

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA TIỂU HỌC VÀ HỨNG THÚ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH KHUYẾT TẬT

• TS. NGUYỄN ĐỨC MINH

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

1. Hứng thú học tập của học sinh khuyết tật

1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của học sinh (HS)

Hứng thú là sự thể hiện ham muốn của con người trong tìm hiểu một cách tự giác những sự vật và hiện tượng của hiện thực khách quan mà bản thân người đó chưa rõ.

Cơ sở của hứng thú học tập là hoạt động tư duy. Một mặt, hứng thú của trẻ được hình thành là do sự quyến rũ của những hiện tượng, sự vật từ thế giới bên ngoài kích thích trí tò mò, sự ham hiểu biết của trẻ. Mặt khác, hứng thú còn phụ thuộc vào kinh nghiệm của chính bản thân trẻ. Như vậy, hứng thú có nguồn gốc từ bên trong trẻ và điều kiện ngoại cảnh xung quanh.

Nhờ có hứng thú mà HS có khả năng tập trung chú ý cao, tự giải quyết các nhiệm vụ một cách hiệu quả hơn. Giải quyết tốt nhiệm vụ học tập và các nhiệm vụ khác, giúp HS có cảm giác thoải mái, vui vẻ và tự tin vào sức mình. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến hứng thú học tập của HS bao gồm: nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học.

1.2. Hứng thú học tập của HS khuyết tật

Trẻ khuyết tật là trẻ có khiếm khuyết về cấu trúc, chức năng cơ thể dẫn đến gặp khó khăn nhất định trong hoạt động của cá nhân, tham gia các hoạt động xã hội khác nhau và học tập theo chương trình giáo dục phổ thông nếu không được hỗ trợ cần thiết.

Các dạng khuyết tật chính hay gặp ở trẻ bao gồm: khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, khuyết tật vận động, khuyết tật ngôn ngữ, các khuyết tật khác và đa tật.

Trẻ khuyết tật, như mọi trẻ em, sinh ra đã có tính hiếu kì, ham hiểu biết. Nghiên cứu của các nhà giáo dục học trên thế giới và trong nước đã

chỉ ra rằng mọi trẻ em, dù bị khuyết tật nặng nhất, vẫn có thể học được điều gì đó.

Bị khiếm khuyết về cấu trúc, giác quan hay phát triển sai lệch về chức năng cơ thể, trẻ khuyết tật sử dụng các cơ quan, giác quan còn lại để tìm hiểu thế giới xung quanh. Tuy nhiên, theo L.X. Vugótxki thì mọi khiếm khuyết đều phá hủy sự phát triển bình thường, cản trở đến sự "hòa mình" vào văn hóa của lứa trẻ. Nghĩa là, khiếm khuyết về cấu tạo, chức năng cơ thể, hiển nhiên, sẽ làm ảnh hưởng tới hoạt động nhận thức và sinh hoạt của trẻ. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc giảm sút ở mức độ nhất định về kinh nghiệm sống của trẻ.

Ví dụ: Trẻ mù có thể học tốt và đã có nhiều người mù có trình độ học vấn rất cao. Tuy nhiên, kinh nghiệm của người mù trong nhận thức màu sắc, ánh sáng rõ ràng sẽ bị hạn chế hoặc không thể có.

Trẻ có khuyết tật về cơ quan vận động có thể học tập như mọi trẻ bình thường nhưng không gian giao tiếp lại bị thu hẹp, số lượng sự vật, hiện tượng và cuộc giao tiếp với người khác bị giảm. Kết quả là, so với trẻ có cơ quan vận động phát triển bình thường, trải nghiệm của trẻ bị hạn chế.

Trẻ khiếm thính bị hạn chế hoặc mất hoàn toàn khả năng cảm nhận âm thanh dẫn đến không nói được hoặc nói không rõ. Khi đó trẻ khiếm thính lại bị thêm khuyết tật thứ phát – khuyết tật ngôn ngữ. Ngôn ngữ lại là phương tiện chủ yếu của tư duy. Tư duy là cơ sở của hứng thú. Do đó, ngôn ngữ kém phát triển sẽ kéo theo suy giảm hứng thú.

Trẻ bị chậm phát triển trí tuệ gặp rất nhiều khó khăn trong lĩnh hội kiến thức về sự vật, hiện tượng của thực tế khách quan cũng như trong việc phát triển các kĩ năng sống. Với kiến thức bị hạn chế, kinh nghiệm sống không nhiều như trẻ

binh thường, hiển nhiên, hứng thú của trẻ sẽ giảm sút đáng kể, tùy thuộc vào mức độ của khuyết tật.

Như vậy, yếu tố hứng thú xuất phát từ kinh nghiệm sống trong bản thân trẻ khuyết tật bị suy giảm. Để trẻ có hứng thú học tập, tự tin hơn rõ ràng cần phải tăng cường các yếu tố còn lại như: Nội dung hoạt động thích hợp, phương pháp tổ chức quyến rũ, phương tiện phù hợp kích thích trẻ...

Để tăng hứng thú cho trẻ khuyết tật, tùy theo từng đối tượng, cần phải có những cách đưa thông tin kích thích trí tò mò, ham hiểu biết cho trẻ theo nhiều kênh khác nhau. Ví dụ: Với trẻ khiếm thị, thông tin cần được đưa ra thông qua xúc giác, thính giác, khứu giác, vị giác và cả thị giác còn lại. Một bức tranh đẹp có vật lạ đã có thể gây hứng thú cho trẻ sáng mắt. Bức tranh đó không thể thu hút sự chú ý của trẻ mù. Trẻ khiếm thị được kích thích hứng thú bằng các sự vật có hình dạng, chất liệu, bề mặt và cả màu sắc có độ tương phản tốt (cho trẻ nhìn kém hoặc còn một phần thị lực), kèm theo âm thanh, mùi và có thể cả vị.

Công tác tổ chức để gây hứng thú cho trẻ khuyết tật cũng có những yêu cầu riêng cần phải được quan tâm. Việc lựa chọn địa điểm, thời gian và phương tiện thích hợp có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả gây hứng thú hoạt động của trẻ khuyết tật. Trong môi trường quá ồn ào, nhiều tạp âm sẽ làm mất hứng thú của trẻ khiếm thính mức độ nhẹ và trung bình. Sự vật được lựa chọn quá nhiều chi tiết, có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau không thể gây hứng thú cho trẻ chậm phát triển trí tuệ. Thời gian tổ chức hoạt động được chọn vào lúc trẻ đang muốn đi vệ sinh, đang đói hay vừa ngủ dậy không thể thu hút hứng thú tham gia của trẻ. Mặt nền gỗ gề không thể dùng xe lăn để đến gần quan sát, luôn phải chú ý để giữ thăng bằng làm mất hứng thú tham gia hoạt động của trẻ có khuyết tật vận động...

Tóm lại, để tạo hứng thú tham gia hoạt động của HS khuyết tật, một mặt, chúng ta cần phải quan tâm tới cả những đặc điểm chính của trẻ có các dạng khuyết tật khác nhau, mặt khác, cần phải chú ý tới việc chọn lựa nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức hoạt động phù hợp với trẻ.

2. Chương trình, sách giáo khoa và hứng thú học tập của HS khuyết tật

Giáo dục tiểu học là cấp học bắt buộc đối với mọi trẻ em từ 6 đến 14 tuổi; được thực hiện trong 5 năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của HS vào lớp một là sáu tuổi (Điều 22 - Luật Giáo dục - 1998).

Luật Giáo dục sửa đổi quy định HS trong toàn quốc sử dụng chung một chương trình và một bộ sách giáo khoa.

Như vậy, theo Luật Giáo dục thì trẻ khuyết tật có quyền và cần phải được đi học đúng độ tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trước 14 tuổi theo cùng chương trình và sách giáo khoa như mọi trẻ em khác.

2.1. Nội dung chương trình và hứng thú học tập của HS khuyết tật

Như trên chúng ta đã thấy hứng thú của HS khuyết tật, so với HS bình thường, bị suy giảm và thu hẹp hơn. Trong khi đó, chương trình tiểu học năm 2000 đã có những thay đổi rất cơ bản so với trước. Nội dung chương trình được nghiên cứu, phù hợp với độ tuổi, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của HS. Tuy nhiên, nội dung chương trình lại chưa tính đến sự tham gia học tập cùng nhau của HS khuyết tật với các bạn không có khuyết tật cùng độ tuổi. Do đó, khi nội dung vừa sức, phù hợp đối với trẻ phát triển bình thường trong độ tuổi nhất định thì lại quá sức đối với trẻ khuyết tật. Ngược lại, khi nội dung vừa sức, lời cuốn HS khuyết tật thì lại quá dễ đối với HS phát triển bình thường. Nghĩa là, yếu tố quan trọng gây hứng thú học tập của HS - nội dung kiến thức đưa ra cho HS, hiện tại, chưa phù hợp cho HS khuyết tật. Hơn nữa, trong đánh giá kết quả phấn đấu của HS tiểu học cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS khuyết tật. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân gây lúng túng cho giáo viên và nhà trường khi nhận HS khuyết tật và thực hiện theo chương trình mới.

Vì vậy, để HS khuyết tật tiểu học có hứng thú tham gia học tập thì nội dung chương trình cũng cần có sự điều chỉnh mềm dẻo hơn và có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện cho giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục.

2.2. Sách giáo khoa và hứng thú học tập của HS khuyết tật

Phương tiện học tập chính của HS – sách giáo khoa, được biên soạn theo hướng lấy HS làm trung tâm, phát huy tính sáng tạo của HS và đòi hỏi giáo viên phải biết sử dụng phương pháp dạy học hiện đại mới thực hiện được. Mặt khác, sách giáo khoa chương trình năm 2000 còn được biên soạn theo hướng tích hợp rất nhiều nội dung chương trình. Cấu trúc và trình bày của sách giáo khoa mới rất đẹp, với nhiều màu sắc sống động, thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập cho HS. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực nêu trên thì sách giáo khoa mới vẫn còn một số hạn chế nhất định, đặc biệt trong việc đảm bảo cho việc sử dụng của HS khuyết tật.

Được thiết kế theo hướng tích hợp và lấy HS làm trung tâm, sách giáo khoa chú trọng nhiều hơn tới hoạt động tự học, tự tìm tòi của HS. Toàn bộ thông tin trong sách được sử dụng chỉ với mục đích cung cấp trực tiếp qua kênh thị giác. Những thông tin trong sách phù hợp với kiến thức sẵn có và kinh nghiệm sống cho từng độ tuổi của HS theo lớp học.

Trước hết chúng ta nhận thấy ngay, với kiến thức và kinh nghiệm của mình, trẻ khuyết tật khó có thể tiếp cận với nội dung của sách giáo khoa. Như vậy, có thể nói, nội dung sách giáo khoa chưa đủ mềm dẻo, theo hướng đáp ứng tính đa dạng của đối tượng HS. Nói cách khác, nhiều nội dung trong sách giáo khoa chưa thể tạo hứng thú học tập cho HS khuyết tật (Kể chuyện theo tranh cho HS khiếm thị, từ tượng thanh cho HS khiếm thính, hình ảnh phức tạp và chuyện nhiều hoạt cảnh cho HS chậm phát triển trí tuệ...). Hơn nữa, cho tới nay, trong sách hướng dẫn giáo viên vẫn chưa có thông tin về việc sử dụng nội dung sách giáo khoa tiểu học vào dạy học HS khuyết tật.

Để sách giáo khoa đáp ứng được với sự đa dạng của đối tượng HS thì phần mềm của nội dung cần nhiều hơn nữa. Với từng bài học cụ thể cần có hướng dẫn về mức độ thực hiện và các phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với HS khuyết tật cho giáo viên.

Ví dụ: Một số bài kể chuyện theo 4 bức tranh.

HS mù không thể nhìn được. Vì vậy, để có thể tham gia và có hứng thú học tập cũng như bảo đảm nội dung chương trình thì HS khiếm thị cần được nghe tả về từng bức tranh (Cô giáo, bạn sáng mắt bên cạnh, dùng băng ghi âm...).

Với kinh nghiệm của mình, HS mù không cần dùng nhiều từ tượng hình để tả chi tiết về những gì xảy ra. Tuy nhiên, HS sẽ được phép sáng tạo, thêm những từ tượng thanh để câu chuyện phong phú hơn. Như vậy, khi được nghe về nội dung bức tranh thứ nhất, HS sẽ cảm thấy hứng thú vì câu chuyện chưa kết thúc. Nghe nội dung các bức tranh tiếp theo, HS cần tập trung để tìm sự liên kết. HS rất hứng thú, bị kích thích trí tò mò và từ kinh nghiệm bản thân sẽ tìm ra tính logic, thêm chi tiết... để hoàn thiện cả câu chuyện. Câu chuyện của HS khiếm thị có thể thiếu hoặc thừa chi tiết và không trùng hợp hoàn toàn với nội dung do các bạn sáng mắt kể. Khi đánh giá, giáo viên cần dựa vào những điểm chính cần có của cốt chuyện, đặc điểm cá nhân của trẻ và sự sáng tạo do trẻ đưa vào câu chuyện để đưa ra những nhận xét phù hợp theo hướng khích lệ trẻ.

Để HS khuyết tật có hứng thú học tập, trong điều kiện sách giáo khoa hiện nay, theo chúng tôi, cần phải có hệ thống đề tài nghiên cứu về ứng dụng nội dung sách giáo khoa vào việc dạy học có sự tham gia của HS khuyết tật và tài liệu hướng dẫn giáo viên thực hiện bài dạy học có hiệu quả cho HS khuyết tật.

Với sự quan tâm, sự đầu tư ngày càng nhiều của ngành Giáo dục và Đào tạo cho công tác giáo dục trẻ khuyết tật, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng rằng những tồn tại trong chương trình và sách giáo khoa sẽ được nghiên cứu kĩ theo hướng phù hợp hơn với trẻ khuyết tật. HS khuyết tật sẽ có hứng thú tham gia học tập và phát triển, trở thành những công dân có ích, phục vụ công cuộc CNH, HĐH của đất nước, hiện thực hoá câu nói của Bác Hồ vĩ đại: "Tàn nhưng không phế".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
2. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, NXB Giáo dục, 2002.
3. Специальная педагогика. Под. Ред. Н. М. И М.2000.

SUMMARY

The article presents the interest of disabled students and the content of the curriculum and textbooks related to this interest.